

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung giữa chị Lành và anh
Đông”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang

Bà Phạm Thị Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trục.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trục tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trục, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: xóm R (nay là thôn B), xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: xóm R (nay là thôn B), xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn, chị Trần Thị L trình bày: Chị Trần Thị L, sinh ngày 10/8/1991 và anh Đặng Văn Đ, sinh ngày 23/03/1985 có đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/02/2006 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, thực tế chị L sinh ngày 10/8/1991 nhưng do không hiểu biết, để đảm bảo tuổi kết hôn nên chị L và gia đình đã kê khai ngày sinh chị

Trần Thị L là ngày 02/7/1988 đủ tuổi đăng ký kết hôn tại UBND xã. Chị L, anh Đ đã được UBND xã H tổ chức đăng ký kết hôn (số T, trang số 25, sổ đăng ký kết hôn 2005-2006) và cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi cưới vợ chồng sống cùng với bố mẹ đẻ anh Đ khoảng 07 năm thì bố mẹ anh Đ chết. Quá trình chung sống, vợ chồng hay xích mích cãi chửi nhau do tính tình không hợp và không cùng quan điểm. Anh Đ hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có tình cảm với người khác. Từ tháng 4/2024 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm của chị đối với anh Đ không còn, nếu tiếp tục chung sống với nhau sẽ không hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

Về con chung: chị L xác định vợ chồng có 03 con chung gồm: Cháu Đặng Thùy L1, sinh ngày 12/01/2008; cháu Đặng Cẩm T, sinh ngày 25/10/2009 và cháu Đặng Quang H, sinh ngày 22/6/2013. Nay ly hôn chị L nhận nuôi hai con Đặng Thùy L1 và Đặng Cẩm T còn anh Đ sẽ nuôi con Đặng Quang H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn, anh Đặng Văn Đ có lời khai phù hợp với lời khai của chị L về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống. Anh và chị L đăng ký kết hôn với nhau vào tháng 02/2006 do tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Khi đó tuổi còn trẻ, chị L chưa đủ tuổi kết hôn nhưng hai bên quá yêu nhau nên đã kê khai chị L đủ tuổi để được đăng ký kết hôn tại UBND xã. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra xích mích nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt vợ chồng hàng ngày. Đôi khi anh có ghen tuông vô cớ cũng chỉ vì anh yêu vợ chứ không có ý nghĩ gì khác. Nay anh nhận thấy việc ghen tuông vô cớ là sai anh muốn chị L cho anh thời gian để sửa chữa vì anh còn tình cảm với chị L. Nay chị L xin ly hôn anh không nhất trí, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh Đ cũng xác định vợ chồng có 03 con chung gồm: Cháu Đặng Thùy L1, sinh ngày 12/01/2008; cháu Đặng Cẩm T, sinh ngày 25/10/2009; cháu Đặng Quang H, sinh ngày 22/6/2013. Anh không nhất trí ly hôn nhưng nếu chị L quyết tâm đề nghị được ly hôn thì anh nhất trí theo nguyện vọng của chị L. Để chị L nhận nuôi hai con Đặng Thùy L1 và Đặng Cẩm T còn anh sẽ nuôi con Đặng Quang H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định xác định: Tại sổ đăng ký kết hôn số thứ tự 16, ngày 10/02/2006 thể hiện Ủy ban nhân dân xã H đã đăng ký kết hôn cho anh Đặng Văn Đ, sinh ngày 23/3/1985 và chị Trần Thị L, sinh ngày 02/7/1988. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh Đ cung cấp chứng minh thư nhân dân số 162741141, chị L cung cấp giấy tờ KK3N552837 (KT3) ngày 12/9/2005. Mọi giấy tờ khác liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa chị L và anh Đ, UBND xã không còn lưu trữ. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật vì nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ như thế nào địa phương không nắm rõ do các đương sự không đề nghị hòa giải tại cơ sở.

* Kết quả xác minh tại Công an xã H: Anh Đặng Văn Đ, sinh ngày 23/3/1985 và chị Trần Thị L, sinh ngày 10/8/1991, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm R (nay là thôn B), xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Hiện nay chị L và anh Đ vẫn có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên. Nay Chị L cùng ba con đang ở tại thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Thông tin ngày sinh và thông tin xác nhận nơi cư trú của chị L phù hợp với thông tin trên Căn cước công dân hiện nay của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8; 11; 12, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Trần Thị L, Xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị L và anh Đặng Văn Đ.

Về nuôi con chung: Giao hai con chung Đặng Thùy L1, sinh ngày 12/01/2008 và Đặng Cẩm T, sinh ngày 25/10/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Đặng Quang H, sinh ngày 22/6/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L, anh Đ xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị L và anh Đặng Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về Quan hệ hôn nhân:* chị Trần Thị L và anh Đặng Văn Đ kết hôn với nhau vào ngày 10/02/2006 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Quan hệ hôn nhân và gia đình của chị L, anh Đ được xác lập vào năm 2006, trước ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực. Theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án áp dụng các quy định về điều kiện kết hôn quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để xác định điều kiện kết hôn của chị L và anh Đ.

[2.2] Sau khi kết hôn, quá trình chung sống, vợ chồng hay xích mích cãi chửi nhau do tính tình không hợp và không cùng quan điểm. Anh Đ hay ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị L có tình cảm với người khác. Từ tháng 4/2024 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L nhận thấy tình cảm của chị đối với anh Đ không còn, nếu tiếp tục chung sống với nhau sẽ không hạnh phúc nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ. Anh Đ cũng xác định vợ chồng cũng xảy ra xích mích nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt vợ chồng hàng ngày. Đôi khi anh có ghen tuông vô cớ cũng chỉ vì anh yêu vợ chứ không có ý nghĩ gì khác. Nay anh nhận thấy việc ghen tuông vô cớ là sai anh muốn chị L cho anh thời gian để sửa chữa vì anh còn tình cảm với chị L nên anh không nhất trí ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, trong thời gian sống ly thân, anh Đ không có biện pháp, hành động thiết thực nào nhằm hàn gắn tình cảm. Chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và cho chị được ly hôn với anh Đ.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, chị L, anh Đ đều xác định: Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị L kê khai sinh ngày 02/7/1988 để chị L đủ tuổi đăng ký kết hôn với anh Đ. Trong khi đó, căn cước công dân của chị L thể hiện chị Trần Thị L, sinh ngày 10/8/1991. Do tại thời điểm đăng ký kết hôn với anh Đ (ngày 10/02/2006) chị L mới 14 tuổi 6 tháng. Trong khi đó, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về độ tuổi kết hôn: “Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ

mười tám tuổi trở lên”. Như vậy, khi đăng ký kết hôn với anh Đ thì chị L chưa đủ tuổi kết hôn. Do chị L vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ thiết lập ngày 10/02/2006 là không hợp pháp. Hiện nay đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình nhưng nay mâu thuẫn vợ chồng chị L có yêu cầu ly hôn anh Đặng Văn Đ. Anh Đ xin đoàn tụ và không có yêu cầu ly hôn. Căn cứ quy định tại điểm b, mục 2, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị L và anh Đặng Văn Đ.

[3] *Về con chung*: chị L và anh Đ xác định vợ chồng có 03 con chung gồm: Cháu Đặng Thùy L1, sinh ngày 12/01/2008; cháu Đặng Cẩm T, sinh ngày 25/10/2009; cháu Đặng Quang H, sinh ngày 22/6/2013. Ly hôn chị L nhận nuôi hai con Đặng Thùy L1 và Đặng Cẩm T còn con Đặng Quang H để anh Đ sẽ nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Anh Đ nhất trí theo nguyện vọng của chị L, để chị L nuôi hai con Đặng Thùy L1 và Đặng Cẩm T còn anh Đ sẽ nuôi con Đặng Quang H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của hai bên và nguyện vọng của con chung nên cần ghi nhận sự tự nguyện về nuôi con chung của chị L và anh Đ. Do đó, giao hai con chung là Đặng Thùy L1, sinh ngày 12/01/2008 và Đặng Cẩm T, sinh ngày 25/10/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Đặng Quang H, sinh ngày 22/6/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

[4] *Về tài sản chung, công nợ chung*: Chị L và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị L phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8; Điều 11; 12, 81, 82, 83, 131 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39; các Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp;

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. *Về hôn nhân*: Xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị L và anh Đặng Văn Đ.

2. *Về con chung*: Giao hai con chung là Đặng Thùy L1, sinh ngày 12/01/2008 và Đặng Cẩm T, sinh ngày 25/10/2009 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao con chung Đặng Quang H, sinh ngày 22/6/2013 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0005116 ngày 18/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã Hồng Quang: 01 bản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Q Phạm Thị X